TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 544/2022/HS-ST
Ngày 07-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phi Hổ
Ông Nguyễn Văn Tam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 525/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 548/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022, đối với:

- *Bị cáo:* Phạm Hữu T (tên gọi khác: Bé), sinh năm 1972 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Không rõ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị H; gia đình bị cáo có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ chín trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 26/10/1998, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 (bốn) tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản công dân" theo bản án số: 307/HSST ngày 26/10/1998.

- Ngày 28/8/2000, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 (tám) tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số: 236/HSST ngày 28/8/2000.

- Ngày 21/10/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số: 282/HSST ngày 21/10/2001.

- Ngày 28/4/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số: 158/HSST ngày 28/4/2005.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/7/2022, chuyển tạm giam ngày 05/8/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Biên Hòa; *(bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

- *Bị hại:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ: Phường V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai *(vắng mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2022, Phạm Hữu T đi xe đạp lang thang tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến quán nhậu "Cây Sứ" thuộc tổ 6A, khu phố Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thấy quán không có người nên T dựng xe đạp ở ngoài rồi đi bộ vào trong, T phát hiện trên bàn ghế đá có để 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S nên đi lại gần lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài lên xe đạp chạy được khoảng 10m thì bị ông Lê Văn S (sinh năm 1972, ngụ phường V, thành phố V, tỉnh Đồng Nai) là chủ quán phát hiện đuổi theo bắt giữ, trình báo Công an phường Hoá An lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1S, là tài sản bị trộm cắp, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu hồi trả lại cho bị hại là ông Lê Văn S.

- 01 chiếc xe đạp (màu bạc) không rõ nhãn hiệu, tạm giữ của bị cáo T, là phương tiện bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản 352/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1S có trị giá là 2.100.000 đồng (Hai triệu, một trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Ông Lê Văn S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 534/CT-VKSBH ngày 15/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Phạm Hữu T về tội: "Trộm cắp tài sản", theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Phạm Hữu T từ **08** (tám) tháng đến **10** (mười) tháng tù.

3. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- *Người bị hại trình bày trong hồ sơ vụ án:* Tài sản đã nhận lại nên không yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự; đối với trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị hại đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2022, tại quán nhậu "Cây Sứ" thuộc Tổ 6A, khu phố Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Phạm Hữu T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1S có trị giá là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) của ông Lê Văn S thì bị bắt giữ, khởi tố điều tra xử lý.

- *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo không có nghề nghiệp, mặc dù đang trong độ tuổi lao động nhưng lại lười lao động, không chịu dùng chính sức lao động của mình để tạo thu nhập nuôi sống bản thân mà lại thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã nhiều lần bị xử lý về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng lại không lấy đó làm bài học sâu sắc để rút kinh

nghiệm cho bản thân. Bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Phạm Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 534/CT-VKSBH ngày 15/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Phạm Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu nên gây thiệt hại không lớn thuộc trường hợp được quy định tại điểm h, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Phạm Hữu T để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị hại ông Lê Văn S đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1S, là tài sản bị trộm cắp, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu hồi trả lại cho bị hại là ông Lê Văn S là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe đạp (màu bạc) không rõ nhãn hiệu, là phương tiện bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Hữu T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với trình bày của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ Khoản 1, Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T **08** (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 7 năm 2022.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe đạp (màu bạc) không rõ nhãn hiệu, là phương tiện bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Hữu T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Duyên